



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số. 127 /BSGHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Công ty.
 - Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:
- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Vương Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0102314051

0102314051

ngày 6 tháng 7 năm 2007

ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Trương Hùng Dũng
Ông Đinh Văn Thuận
Ông Văn Thảo Nguyên
Ông Nguyễn Hữu Lộc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thái Bình
Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Lộc
Ông Nguyễn Văn Biên
Ông Nguyễn Việt Quý
Ông Lê Thanh Tùng
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00269-19-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng Nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng Nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		171.994.954.216	251.621.320.474
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	55.789.997.943	56.286.361.990
Tiền	111		9.289.997.943	56.286.361.990
Các khoản tương đương tiền	112		46.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	30.000.000.000	72.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.872.877.519	39.516.977.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	17.922.815.478	34.706.474.447
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.944.330.041	3.371.200.508
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.732.000	1.439.302.903
Hàng tồn kho	140	9	60.740.149.563	82.235.900.075
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.591.929.191	1.582.080.551
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.574.374.099	1.582.080.551
Thuế phải thu Nhà nước	153		17.555.092	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		221.943.499.459	254.102.351.693
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	-
Tài sản cố định	220		212.658.159.605	224.893.554.409
Tài sản cố định hữu hình	221	10	212.658.159.605	224.893.554.409
Nguyên giá	222		689.282.060.499	667.022.012.488
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(476.623.900.894)	(442.128.458.079)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		350.000.000	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.000.000)	(350.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	18.697.143.987
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	18.697.143.987
Tài sản dài hạn khác	260		9.275.339.854	10.511.653.297
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.275.339.854	10.511.653.297
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		393.938.453.675	505.723.672.167

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

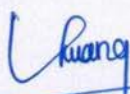
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		138.637.266.929	221.468.267.661
Nợ ngắn hạn	310		138.197.991.234	206.410.969.919
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.511.895.356	23.206.084.772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.669.566.733	2.104.978.832
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	84.910.138.298	82.935.868.188
Phải trả người lao động	314		2.154.375.782	5.831.905.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.524.961.511	1.024.256.041
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	15.618.470.517	11.892.346.468
Vay ngắn hạn	320	16	11.000.000.000	71.750.614.429
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	3.808.583.037	7.664.915.508
Nợ dài hạn	330		439.275.695	15.057.297.742
Vay dài hạn	338	16	-	14.618.022.047
Dự phòng phải trả dài hạn	342		439.275.695	439.275.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		255.301.186.746	284.255.404.506
Vốn chủ sở hữu	410	18	255.301.186.746	284.255.404.506
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.174.929.636	64.129.147.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.581.550.227	46.708.265.352
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.593.379.409	17.420.882.044
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		393.938.453.675	505.723.672.167

Ngày 8 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	371.056.146.240	319.170.120.366
Giá vốn hàng bán	11	24	319.530.818.155	266.308.910.675
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		51.525.328.085	52.861.209.691
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.841.978.242	2.243.897.650
Chi phí tài chính	22	26	1.664.499.048	2.184.807.182
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.636.246.013</i>	<i>2.141.619.235</i>
Chi phí bán hàng	25	27	4.129.223.272	5.792.992.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.460.254.164	13.992.634.768
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		36.113.329.843	33.134.672.593
Thu nhập khác	31		366.090.052	19.376.542
Chi phí khác	32		384.081.660	128.076.240
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.991.608)	(108.699.698)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.095.338.235	33.025.972.895
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	7.353.128.763	6.630.809.827
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.742.209.472	26.395.163.068
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.372	1.172

Ngày 8 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	36.095.338.235	33.025.972.895
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	34.495.442.815	26.581.854.897
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(1.808.109.311)	(2.171.932.009)
Chi phí lãi vay	06	1.636.246.013	2.141.619.235
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	70.418.917.752	59.577.515.018
Biến động các khoản phải thu	09	16.423.912.154	16.061.143.990
Biến động hàng tồn kho	10	21.495.750.512	519.643.249
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.735.979.370)	7.952.937.180
Biến động chi phí trả trước	12	1.244.019.895	(798.977.272)
		100.846.620.943	83.312.262.165
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.636.246.013)	(2.141.619.235)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.529.302.418)	(8.235.903.197)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.753.973	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.169.734.901)	(4.597.507.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.523.091.584	68.337.231.999
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(3.458.928.466)	(27.532.030.574)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(30.000.000.000)	(22.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	72.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.808.109.311	2.171.932.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.349.180.845	(47.360.098.565)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019	30/6/2018
Mã Thuyết	số minh	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	243.106.943.820	363.974.424.411
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(318.475.580.296)	(445.463.531.647)
Tiền chi trả cổ tức	36	(54.000.000.000)	(31.664.913.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(129.368.636.476)	(113.154.021.036)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(496.364.047)	(92.176.887.602)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	56.286.361.990	176.594.314.345
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	55.789.997.943	84.417.426.743

Ngày 8 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Uhuang

Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 207 nhân viên (1/1/2018: 189 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 14 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 15 năm

Ngày 1 tháng 9 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định theo hướng dẫn của Cục Thuế Thành phố Hà Nội. Theo công văn 61328 ngày 1 tháng 9 năm 2018, Công ty đã xác định mức trích khấu hao tài sản cố định hữu hình căn cứ vào giá trị còn lại chia cho thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định hữu hình tính từ ngày 1 tháng 9 năm 2018. Ảnh hưởng việc áp dụng công văn 61328 là làm tăng chi phí khấu hao trong kỳ 6.934 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài. Trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Thông tin về tài sản được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 của Công ty phần lớn nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	435.712.434	432.654.797
Tiền gửi ngân hàng	8.854.285.509	55.853.707.193
Các khoản tương đương tiền	46.500.000.000	-
	55.789.997.943	56.286.361.990

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm.

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng nhưng dưới mười hai tháng từ ngày gửi. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 7% một năm (1/1/2019: 6% một năm).

8. Phải thu ngắn hạn khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	17.373.055.766	27.041.488.482
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	7.459.413.742
Các khách hàng khác	549.759.712	205.572.223
	17.922.815.478	34.706.474.447

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	17.373.055.766	27.041.488.482
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	7.459.413.742
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn - Miền Bắc	-	176.929.499
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	19.875.240

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	229.322.400	-	-	-
Nguyên vật liệu	16.391.675.465	-	27.830.234.989	-
Công cụ và dụng cụ	17.824.707.399	-	19.276.009.631	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.981.019.505	-	19.917.622.380	-
Thành phẩm	6.306.995.698	-	15.200.782.161	-
Hàng hóa	6.429.096	-	11.250.914	-
	60.740.149.563	-	82.235.900.075	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

0. Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	598.155.260.114	7.907.289.410	2.832.424.740	667.022.012.488
Tăng trong kỳ	-	1.310.000.000	-	-	1.310.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	20.950.048.011	-	-	20.950.048.011
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	620.415.308.125	7.907.289.410	2.832.424.740	689.282.060.499

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	20.112.534.910	415.498.284.661	4.363.784.312	2.153.854.196	442.128.458.079
Khấu hao trong kỳ	1.272.170.613	32.781.027.468	351.434.455	90.810.279	34.495.442.815
Số dư cuối kỳ	21.384.705.523	448.279.312.129	4.715.218.767	2.244.664.475	476.623.900.894

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	38.014.503.314	182.656.975.453	3.543.505.098	678.570.544	224.893.554.409
Số dư cuối kỳ	36.742.332.701	172.135.995.996	3.192.070.643	587.760.265	212.658.159.605

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 8.514 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 6.529 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	18.697.143.987	-
Tăng trong kỳ	2.252.904.024	32.977.177.984
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.950.048.011)	-
Số dư cuối kỳ	-	32.977.177.984

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.979.956.464	2.135.470.653	4.396.226.180	10.511.653.297
Tăng trong kỳ	1.498.376.880	1.622.765.820	815.504.863	3.936.647.563
Phân bổ trong kỳ	(2.855.514.358)	(1.076.556.780)	(1.240.889.868)	(5.172.961.006)
Số dư cuối kỳ	2.622.818.986	2.681.679.693	3.970.841.175	9.275.339.854

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.381.515.808	7.597.002.247
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Goldmalt	2.829.736.008	329.401.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.500.790.215	1.912.168.035
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	1.357.378.990	1.561.824.000
Các nhà cung cấp khác	5.442.474.335	11.805.689.330
	14.511.895.356	23.206.084.772

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	3.381.515.808	7.597.002.247
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	34.100.000	68.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	302.317.289

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	72.392.040.560	374.509.948.787	(376.352.469.012)	70.549.520.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	873.922.029	7.353.128.763	(3.529.302.418)	4.697.748.374
Thuế giá trị gia tăng	9.096.899.931	73.221.269.302	(72.743.405.519)	9.574.763.714
Thuế thu nhập cá nhân	573.005.668	845.947.525	(1.330.847.318)	88.105.875
	82.935.868.188	455.930.294.377	(453.956.024.267)	84.910.138.298

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.994.260.000	11.377.920.000
Phải trả khác	624.210.517	514.426.468
	15.618.470.517	11.892.346.468

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	71.750.614.429	243.106.943.820	(303.857.558.249)	11.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn phải trả	14.618.022.047	-	(14.618.022.047)	-
	86.368.636.476	243.106.943.820	(318.475.580.296)	11.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	VND	5,5%	11.000.000.000	62.010.614.429
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	VND	7,2%	-	9.470.000.000
			11.000.000.000	71.750.614.429

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 130.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.664.915.508	543.318.874
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	4.045.494.994	5.293.380.894
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(452.402.831)	-
Sử dụng trong kỳ	(7.169.734.901)	(4.597.507.734)
Chuyển sang quỹ công tác xã hội	(291.443.706)	-
Tặng khác	11.753.973	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.808.583.037	1.239.192.034

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	88.444.271.394	308.570.528.504
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	26.395.163.068	26.395.163.068
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(5.293.380.894)	(5.293.380.894)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	109.546.053.568	329.672.310.678
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.249.207.589	16.249.207.589
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.666.113.761)	(7.666.113.761)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	64.129.147.396	284.255.404.506
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	28.742.209.472	28.742.209.472
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(4.045.494.994)	(4.045.494.994)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	452.402.831	452.402.831
Trích công tác xã hội	-	-	-	(103.335.069)	(103.335.069)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	35.174.929.636	255.301.186.746

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000
<hr/>				
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	18.000.000	180.000.000.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 2 tháng 4 năm 2019 đã quyết định phân phối cổ tức cho các cổ đông là 72.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: Không).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.029.457.812	3.633.445.816
Từ hai đến năm năm	12.566.311.248	11.827.159.264
Sau năm năm	98.230.207.041	90.358.451.079
	114.825.976.101	105.819.056.159

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	18.486	429.767.473	245.974	5.719.164.081
EUR	122	3.259.952	127	3.406.953
		433.027.425		5.722.571.034

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	368.191.296.058	316.073.448.556
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	742.701.244.845	661.495.900.220
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(374.509.948.787)	(345.422.451.664)
▪ Doanh thu khác	2.864.850.182	3.096.671.810
	371.056.146.240	319.170.120.366

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	319.279.981.546	266.036.099.902
▪ Giá vốn khác	250.836.609	272.810.773
	<hr/>	<hr/>
	319.530.818.155	266.308.910.675
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.808.109.311	2.171.932.009
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	33.868.931	71.965.641
	<hr/>	<hr/>
	1.841.978.242	2.243.897.650
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.636.246.013	2.141.619.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	28.253.035	43.187.947
	<hr/>	<hr/>
	1.664.499.048	2.184.807.182
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	812.384.803	967.781.352
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	834.011.493	1.512.159.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.883.049.978	2.001.702.290
Chi phí bán hàng khác	599.776.998	1.311.350.153
	<hr/>	<hr/>
	4.129.223.272	5.792.992.798
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.346.275.390	4.364.811.643
Chi phí khấu hao	273.495.249	409.855.154
Chi phí vật liệu quản lý	1.273.731.339	1.317.436.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.866.292.628	3.347.773.894
Chi phí quản lý khác	1.700.459.558	4.552.758.059
	<hr/>	<hr/>
	11.460.254.164	13.992.634.768
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	269.437.667.035	218.279.963.308
Chi phí nhân công và nhân viên	17.590.214.276	15.349.065.488
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.495.442.815	26.581.854.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.942.053.754	9.388.704.247
Chi phí khác	5.654.917.711	6.385.222.824
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Kỳ hiện hành	7.353.128.763	6.630.809.827

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.095.338.235	33.025.972.895
Thuế theo thuế suất của Công ty	7.219.067.647	6.605.194.579
Chi phí không được khấu trừ thuế	134.061.116	25.615.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.353.128.763	6.630.809.827

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	28.742.209.472	26.395.163.068
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.045.494.994)	(5.293.380.894)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	24.696.714.478	21.101.782.174

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 18.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	685.713.406.250	594.294.820.930
Mua nguyên vật liệu	185.119.701.782	147.575.202.267
Cổ tức	28.140.000.000	18.760.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	1.356.921.720	6.784.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	279.000.000	337.900.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa be co		
Mua dịch vụ	-	189.508.182
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây		
Mua hàng hóa	-	50.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Tiền lương và thưởng	1.594.845.511	856.521.912

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Ngoài một số số liệu so sánh dưới đây được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Hàng tồn kho

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Nguyên vật liệu	27.830.234.989	46.068.035.580
Công cụ và dụng cụ	19.276.009.631	1.038.209.040

Ngày 8 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc